

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 54

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0102702590 ngày 12 tháng 3 năm 2008. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 28 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 06 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn đầu tư, xây dựng, phát triển, kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ lưu trú.

Công ty có trụ sở chính tại số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tô Như Toàn	Chủ tịch	
Ông Tô Như Thắng	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Tú	Phó chủ tịch	
Ông Triệu Hữu Đại	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025
Bà Đỗ Thị Thanh Phương	Thành viên	
Ông Phạm Hồng Châu	Thành viên	
Ông Trịnh Thanh Hải	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên độc lập	

Ngày 23 tháng 04 năm 2025, Các thành viên nêu trên được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bầu lại làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Thanh Hải	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Bà Đỗ Thị Thanh Phương	Phó chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Châu	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025
Ông Triệu Hữu Đại	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025
Ông Tô Như Thắng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025
Ông Vũ Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Hoàng Đăng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2025
Ông Phạm Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2025
Bà Phan Lê Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13 tháng 05 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tô Như Toàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Tô Như Thắng	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Phạm Hồng Châu	Tổng Giám đốc	từ ngày 06 tháng 06 năm 2025
Ông Triệu Hữu Đại	Tổng Giám đốc	đến ngày 06 tháng 06 năm 2025

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

THÔNG TIN CHUNG

Ông Lâm Hoàng Đăng được Người đại diện pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền của Công ty số 37/GUQ-VPI ngày 03 tháng 06 năm 2024.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề Ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lâm Hoàng Đăng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.297.973.462.503	2.502.850.640.575
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	88.774.774.001	445.543.340.188
111	1. Tiền		30.819.977.587	137.615.200.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.954.796.414	307.928.139.952
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		106.603.556	106.603.556
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	106.603.556	106.603.556
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.296.098.698.688	1.196.562.395.067
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.1	135.710.021.438	151.192.256.925
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	32.678.240.843	12.322.510.458
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	883.666.736.121	544.076.736.121
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	271.949.510.019	514.614.295.820
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(27.905.809.733)	(25.643.404.257)
140	IV. Hàng tồn kho	10	896.735.131.594	857.613.198.404
141	1. Hàng tồn kho		904.137.836.987	865.015.903.797
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.402.705.393)	(7.402.705.393)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.258.254.664	3.025.103.360
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	15.618.115.821	2.940.758.938
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	640.138.843	84.344.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.325.189.532.185	5.460.694.817.341
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		507.601.211.468	847.666.248.390
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	-	3.378.885.790
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	507.601.211.468	844.287.362.600
220	II. Tài sản cố định		518.600.994.418	529.310.002.056
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	514.339.274.804	524.238.863.842
222	Nguyên giá		640.846.053.424	638.999.941.061
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(126.506.778.620)	(114.761.077.219)
227	2. Tài sản cố định vô hình		4.261.719.614	5.071.138.214
228	Nguyên giá		9.669.029.754	9.669.029.754
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.407.310.140)	(4.597.891.540)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	310.277.146.082	316.040.808.248
231	1. Nguyên giá		350.478.849.678	350.478.849.678
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(40.201.703.596)	(34.438.041.430)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	422.743.640.961	420.850.090.258
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15.1	4.321.294.525	3.572.668.600
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.2	418.422.346.436	417.277.421.658
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	3.517.568.708.263	3.289.758.908.879
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	2.743.771.250.000	2.241.271.250.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	16.2	778.764.660.272	1.056.264.660.272
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.967.202.009)	(7.777.001.393)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		48.397.830.993	57.068.759.510
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	30.518.206.069	37.391.797.474
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	17.879.624.924	19.676.962.036
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.623.162.994.688	7.963.545.457.916

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.610.872.230.957	3.017.502.506.777
310	I. Nợ ngắn hạn		1.132.942.667.289	1.458.617.513.531
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	69.964.841.419	89.822.143.595
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	396.028.132	47.621.262.407
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	26.631.355.472	56.864.496.873
314	4. Phải trả người lao động		7.955.923.445	8.026.756.759
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	292.434.658.682	309.526.350.264
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.301.139.210	4.658.777.650
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	129.927.488.226	109.467.141.545
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	561.273.767.362	792.573.119.097
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40.057.465.341	40.057.465.341
330	II. Nợ dài hạn		1.477.929.563.668	1.558.884.993.246
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	245.277.579	2.709.419.858
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	176.006.863.944	176.038.888.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	1.285.110.650.266	1.372.418.945.530
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	4.719.977.427	6.175.062.259
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		1.046.794.452	1.542.676.717
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.800.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.012.290.763.731	4.946.042.951.139
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	5.012.290.763.731	4.946.042.951.139
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.200.495.770.000	3.200.495.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.200.495.770.000	3.200.495.770.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		574.656.557.853	574.656.557.853
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.177.859.740	15.177.859.740
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.588.929.869	7.588.929.869
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.214.371.646.269	1.148.123.833.677
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.137.323.833.677	787.467.472.407
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		77.047.812.592	360.656.361.270
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.623.162.994.688	7.963.545.457.916

Nguyễn Thế Quân
Người lập

Trần Mỹ Yến
Kế toán trưởng

Lâm Hoàng Đăng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B01-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	165.560.260.811	153.679.214.545	408.849.187.510	267.793.054.022
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	165.560.260.811	153.679.214.545	408.849.187.510	267.793.054.022
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	25	119.768.952.422	124.949.667.117	303.747.391.437	211.381.830.000
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	45.791.308.389	28.729.547.428	105.101.796.073	56.411.224.022
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	24.240.065.412	17.325.688.514	157.834.177.927	340.663.492.743
22	7. Chi phí tài chính	26	(24.861.694.164)	58.438.941.675	77.058.317.941	134.790.300.535
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	27	31.972.344.337	57.010.731.996	73.694.630.118	131.444.778.910
25	8. Chi phí bán hàng	27	950.472.319	597.650.104	1.889.565.666	1.532.507.246
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	46.935.808.164	21.349.658.776	81.092.796.612	42.085.681.096
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28	47.006.787.482	(34.331.014.613)	102.895.293.781	218.666.227.888
31	11. Thu nhập khác	28	16.466.963	31.479.399	410.364.581	943.009.934
32	12. Chi phí khác	28	3.314.801.429	273.667.876	6.187.742.039	2.632.754.580
40	13. (Chi phí)/lợi nhuận khác		(3.298.334.466)	(242.188.477)	(5.777.377.458)	(1.689.744.646)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.708.453.016	(34.573.203.090)	97.117.916.323	216.976.483.242
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.1	9.322.117.008	11.722.369.489	19.727.851.451	27.083.594.777
52	16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.1	139.840.090	(16.620.635.277)	342.252.280	(18.535.507.201)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.246.495.918	(29.674.937.392)	77.047.812.592	208.428.395.666



Nguyễn Thế Quân
Người lập
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Trần Mỹ Yên
Kế toán trưởng
Lâm Hoàng Đăng
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		97.117.916.323	216.976.483.242
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		18.318.782.167	18.571.164.000
03	Các khoản dự phòng		(1.043.276.173)	(7.000.000)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(157.834.177.927)	(340.663.492.743)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu phân bổ)		76.917.817.941	134.720.845.990
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.477.062.331	29.598.000.489
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		583.453.468.168	(27.804.698.876)
10	(Tăng) hàng tồn kho		(39.870.559.115)	(56.511.553.242)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(83.044.097.026)	87.600.030.822
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(5.803.765.478)	9.487.105.428
14	Tiền lãi vay đã trả		(97.979.802.507)	(120.501.862.327)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.438.001.354)	(18.984.919.446)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		361.794.305.019	(97.117.897.152)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.991.010.141)	(1.450.928.673)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(447.350.000.000)	(382.900.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		107.760.000.000	944.940.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(502.500.000.000)	(664.650.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		353.000.000.000	50.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		96.181.243.163	2.237.433.307
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(395.899.766.978)	(51.823.495.366)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		429.331.265.311	1.093.871.886.880
34	Tiền trả nợ gốc vay		(751.994.369.539)	(793.546.589.137)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(322.663.104.228)	300.325.297.743
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(356.768.566.187)	151.383.905.225
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		445.543.340.188	135.495.634.558
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	88.774.774.001	286.879.539.783



Nguyễn Thế Quân
Người lập



Trần Mỹ Yên
Kế toán trưởng



Lâm Hoàng Đăng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0102702590 ngày 12 tháng 3 năm 2008. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 28 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 06 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn đầu tư, xây dựng, phát triển, kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ lưu trú.

Công ty có trụ sở chính tại số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 291 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 246 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có 11 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Giảng Võ	100%	100%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	62%	62%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, xây lắp
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	82,71%	82,71%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	60%	60%	Số 129 Lê Văn Duyệt, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Văn Phú B&C (**)	62,64%	70%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản
6	Công ty TNHH Văn Phú Resort – Lộc Bình	100%	100%	Đường số 7, Khu đô thị mới An Cựu, Phường An Cựu, Thành phố Huế	Kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam (*)	93,69%	98,16%	Km0+541,95, Tỉnh lộ 359C, Tổ dân phố Xanh Sỏi, Phường Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	Kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn Văn Phú	90%	90%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ lưu trú
9	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sơn Thắng (*)	89%	99%	42 Quang Trung, phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ lưu trú
10	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng New Tech	99%	99%	49 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Văn Phú Homes (***)	70%	70%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát công ty con này gián tiếp thông qua một công ty con khác.

(**) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty còn cam kết góp vốn vào công ty con này với giá trị là 3,63 tỷ VND.

(***) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty còn cam kết góp vốn vào công ty con này với giá trị là 14 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để Ngày 28 tháng 07 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở phù hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	46 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	8 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	36 năm
Máy móc, thiết bị	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước hoạt động, công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước ngắn hạn khác dự kiến mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước hoạt động, công cụ dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bù đắp các tổn thất tài chính của Công ty trong tương lai.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao bất động sản.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Tiền mặt	416.138.630	112.116.744
Tiền gửi ngân hàng	30.093.370.841	137.177.104.022
Tiền đang chuyển	310.468.116	325.979.470
Các khoản tương đương tiền (*)	57.954.796.414	307.928.139.952
TỔNG CỘNG	88.774.774.001	445.543.340.188

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 4,2%/năm). Đây là các khoản kinh phí bảo trì cho các căn hộ đã bàn giao của các dự án bất động sản của Công ty. Các khoản kinh phí bảo trì này sẽ được chuyển giao cho Ban Quản trị tòa nhà.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 4,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,8%/năm đến 4,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đơn vị tính: VND		
Ngắn hạn		
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	79.165.026.837	32.341.683.815
Phải thu từ hoạt động khác	56.544.994.601	118.850.573.110
- Công ty TNHH Hồ Tây Một Thành Viên	11.340.748.090	7.961.862.300
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Hùng Sơn	2.915.750.328	76.250.937.921
- Phải thu khách hàng khác	42.288.496.183	34.637.772.889
TỔNG CỘNG	135.710.021.438	151.192.256.925
Trong đó:		
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	18.760.072.679	14.053.483.354
Phải thu từ các bên khác	116.949.948.759	137.138.773.571
Dài hạn		
Phải thu từ hoạt động khác	-	3.378.885.790
- Công ty TNHH Hồ Tây Một Thành Viên	-	3.378.885.790
TỔNG CỘNG	-	3.378.885.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.718.695.257)	(21.718.695.257)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đơn vị tính: VND		
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng CGM	18.838.723.783	2.365.839.010
Các nhà cung cấp khác	13.839.517.060	9.956.671.448
TỔNG CỘNG	32.678.240.843	12.322.510.458
Dự phòng trả trước khó đòi	(2.644.512.600)	(2.644.512.600)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đơn vị tính: VND		
Phải thu về cho vay các bên khác (*)	620.291.736.121	352.851.736.121
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Hùng Sơn	351.000.000.000	268.700.000.000
- Nguyễn Thị Vân	238.150.000.000	54.000.000.000
- Khác	31.141.736.121	30.151.736.121
Phải thu cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	263.375.000.000	191.225.000.000
TỔNG CỘNG	883.666.736.121	544.076.736.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ đáo hạn từ tháng 12 năm 2025 đến tháng 4 năm 2026, hưởng lãi suất từ 8,7%/năm – 12%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 8,7%/năm – 12%/năm).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng để phục vụ phát triển dự án và các hoạt động kinh doanh (*)	106.295.267.293	-	107.549.872.772	-
Lãi cho vay dự thu	51.478.826.415	-	42.116.010.313	-
Phải thu từ hợp tác đầu tư	41.091.648.452	-	317.042.219.178	-
Ký quỹ thực hiện dự án	3.906.500.000	-	3.696.500.000	-
Phải thu khác	11.280.292.047	(3.542.601.876)	9.163.037.441	(1.280.196.400)
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	57.896.975.812	-	35.046.656.116	-
TỔNG CỘNG	271.949.510.019	(3.542.601.876)	514.614.295.820	(1.280.196.400)
Dài hạn				
Đặt cọc hợp tác đầu tư (**)	135.340.000.000	-	20.340.000.000	-
Ký quỹ thực hiện dự án (***)	41.344.091.900	-	41.344.091.900	-
Lãi cho vay dự thu	18.066.216.864	-	20.838.216.864	-
Tạm ứng bồi thường giải phóng mặt bằng	8.630.092.171	-	8.630.092.171	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	304.220.810.533	-	753.134.961.665	-
TỔNG CỘNG	507.601.211.468	-	844.287.362.600	-

(*) Đây là các khoản tạm ứng cho các cá nhân để phục vụ mục đích thực hiện các dự án bất động sản của Công ty và các hoạt động kinh doanh khác. Một số khoản có tài sản đảm bảo.

(**) Bao gồm khoản đặt cọc góp vốn hợp tác đầu tư với giá trị 25 tỷ VND theo một hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đức Thắng và khoản đặt cọc góp vốn hợp tác đầu tư với giá trị 110 tỷ VND theo một hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư phát triển đô thị Cần Thơ để hợp tác đầu tư một dự án bất động sản tại tỉnh Quảng Trị.

(***) Đây là khoản ký quỹ tại Sở Tài chính thành phố Cần Thơ bảo đảm thực hiện dự án Khu đô thị mới Cần Khương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông Hà Nội	11.111.191.000	-	11.111.191.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVR)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Các đối tượng khác	6.794.618.733	-	4.532.213.257	-
TỔNG CỘNG	27.905.809.733	-	25.643.404.257	-

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	486.084.634.920	(7.402.705.393)	669.102.813.040	(7.402.705.393)
Thành phẩm (**)	405.443.133.213	-	183.632.785.835	-
Hàng hóa	11.283.943.552	-	11.129.333.552	-
Công cụ dụng cụ	1.113.945.893	-	984.659.395	-
Nguyên vật liệu	212.179.409	-	166.311.975	-
TỔNG CỘNG	904.137.836.987	(7.402.705.393)	865.015.903.797	(7.402.705.393)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm giá trị đầu tư cho các dự án:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Khu đô thị mới Văn Phú	243.201.703.864	9.378.315.545
Dự án Song Khê - Nội Hoàng	235.478.761.663	222.964.401.474
Dự án The Terra Bắc Giang	-	429.355.926.628
Các dự án khác	7.404.169.393	7.404.169.393
TỔNG CỘNG	486.084.634.920	669.102.813.040

(**) Chi tiết thành phẩm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án The Terra Bắc Giang	221.810.347.378	-
Dự án Vlasta Sầm Sơn	183.632.785.835	183.632.785.835
TỔNG CỘNG	405.443.133.213	183.632.785.835

Công ty đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 285,03 tỷ VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại *Thuyết minh số 21*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi phí truyền thông quảng cáo	5.856.444.207	355.640.597
Chi phí tư vấn	4.438.521.734	1.902.953.113
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	87.154.058	124.276.775
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.235.995.822	557.888.453
TỔNG CỘNG	15.618.115.821	2.940.758.938
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ phục vụ Dự án khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây (i)	25.432.596.826	32.861.194.132
Chi phí cải tạo văn phòng	1.305.096.876	855.882.856
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.054.426.775	548.013.576
Chi phí hoa hồng môi giới	964.174.488	1.102.105.129
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.761.911.104	2.024.601.781
TỔNG CỘNG	30.518.206.069	37.391.797.474

(i) Toàn bộ công cụ, dụng cụ tại Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây với giá trị ghi sổ là 25,4 tỷ VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	494.401.123.038	46.834.308.365	23.139.459.091	3.859.770.788	70.765.279.779	638.999.941.061
- Mua trong kỳ	-	89.376.000	1.576.327.273	180.409.090	-	1.846.112.363
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	494.401.123.038	46.923.684.365	24.715.786.364	4.040.179.878	70.765.279.779	640.846.053.424
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	975.536.703	9.736.149.090	3.329.393.567	1.619.881.949	15.660.961.309
Hao mòn lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	55.525.626.143	13.755.742.806	17.038.638.842	3.602.593.836	24.838.475.592	114.761.077.219
- Khấu hao trong kỳ	5.525.284.452	1.732.791.609	1.267.656.206	71.706.284	3.148.262.850	11.745.701.401
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	61.050.910.595	15.488.534.415	18.306.295.048	3.674.300.120	27.986.738.442	126.506.778.620
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	438.875.496.895	33.078.565.559	6.100.820.249	257.176.952	45.926.804.187	524.238.863.842
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	433.350.212.443	31.435.149.950	6.409.491.316	365.879.758	42.778.541.337	514.339.274.804

Việc sử dụng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 506,2 tỷ VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	350.478.849.678
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	350.478.849.678
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	34.438.041.430
- Khấu hao trong kỳ	5.763.662.166
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	40.201.703.596
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	316.040.808.248
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	310.277.146.082

Các bất động sản đầu tư bao gồm phần hầm thương mại dịch vụ, khu để xe, sàn thương mại dịch vụ, bể bơi và khu nhà trẻ của dự án The Terra An Hưng thuộc sở hữu của Công ty. Trong bất động sản đầu tư, giá trị còn lại phần hầm của Dự án The Terra An Hưng là 120,6 tỷ VND (nguyên giá là 135,9 tỷ VND, hao mòn lũy kế là 15,3 tỷ VND) tương ứng với phần diện tích hầm là 10.236,60 m² thuộc sở hữu Công ty tại Dự án. Công ty không tính chi phí đầu tư xây dựng phần hầm này vào giá thành các căn hộ tại Dự án.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư một cách chắc chắn.

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị 15,7 tỷ VND cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 (cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024: 39,7 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này chủ yếu liên quan đến các khoản vay chung và trực tiếp nhằm đầu tư xây dựng một số dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 11% (2024: 8,2%) trên chi phí lũy kế bình quân phát sinh cho việc đầu tư xây dựng các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

15.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khu đô thị số 22 thuộc phân khu 2, Bắc Giang	3.313.885.418	3.313.885.418	3.313.885.418	3.313.885.418
Các dự án khác	1.007.409.107	1.007.409.107	258.783.182	258.783.182
TỔNG CỘNG	4.321.294.525	4.321.294.525	3.572.668.600	3.572.668.600

15.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án Khu đô thị mới Cồn Khương - thành phố Cần Thơ (*)	307.382.042.339	307.268.167.339
Dự án Lộc Bình - tỉnh Thừa Thiên Huế	53.671.011.821	53.671.011.821
Các dự án khác	57.369.292.276	56.338.242.498
TỔNG CỘNG	418.422.346.436	417.277.421.658

(*) Dự án Khu đô thị mới Cồn Khương hiện đang nằm trong danh mục các dự án bất động sản gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý các khó khăn và tiếp tục triển khai dự án.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc		Dự phòng		Dự phòng	
		Giá trị còn lại		Giá gốc		Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 16.1)	2.743.771.250.000	-	2.743.771.250.000	2.241.271.250.000	-	2.241.271.250.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 16.2)	778.764.660.272	(4.967.202.009)	773.797.458.263	1.056.264.660.272	(7.777.001.393)	1.048.487.658.879
TỔNG CỘNG	3.522.535.910.272	(4.967.202.009)	3.517.568.708.263	3.297.535.910.272	(7.777.001.393)	3.289.758.908.879

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024				Đơn vị tính: VND
	Giá trị		Tỷ lệ	Tỷ lệ	Giá trị		Tỷ lệ	Tỷ lệ	
	hợp lý	biểu quyết	lợi ích	biểu quyết	hợp lý	lợi ích	biểu quyết		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Giảng Võ	1.078.000.000.000	(iii)	100%	100%	1.078.000.000.000	(iii)	100%	100%	
Công ty TNHH Văn Phú Resort - Lộc Bình	558.000.000.000	(iii)	100%	100%	558.000.000.000	(iii)	100%	100%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech (i)	495.000.000.000	(iii)	99%	99%	-	(iii)	-	-	
Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	288.000.000.000	(iii)	60%	60%	288.000.000.000	(iii)	60%	60%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	208.031.250.000	(iii)	82,71%	82,71%	208.031.250.000	(iii)	82,71%	82,71%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	95.170.000.000	(iii)	62%	62%	95.170.000.000	(iii)	62%	62%	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn Văn Phú (ii)	21.000.000.000	(iii)	30%	90%	13.500.000.000	(iii)	30%	90%	
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	570.000.000	(iii)	62,64%	70%	570.000.000	(iii)	62,64%	70%	
TỔNG CỘNG	2.743.771.250.000				2.241.271.250.000				

- (i) Trong tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 46.728.000 cổ phần tương đương 99% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech với giá phí là 495 tỷ VND;
- (ii) Trong tháng 3 năm 2025, Công ty đã góp thêm 7,5 tỷ VND tương đương với 750.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý khách sạn Văn Phú;
- (iii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do chưa có đủ các thông tin cần thiết.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	Tầng 1-4, Tòa V1 The Van Phu Victoria, CT9, Khu Đô thị mới V, Phường Kiến Hưng, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	35,00	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần Logistics LSH	Lô B17 đường Ngọc Hân Công Chúa, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản	34,00	34,00	34,00	34,00
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang	Số 14, lô B1, Khu đô thị mới Nam Từ Sơn, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng và thu phí đường bộ	33,00	33,00	33,00	33,00
Công ty TNHH BT Hà Đông	Tầng 4, Tòa nhà Văn Phú - Invest số 104 Thái Thịnh, Phường Đồng Đa, TP Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	51,07	50,00	51,07	50,00
Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm	Số 83, phố Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	Xây dựng và in ấn	46,77	46,77	46,77	46,77
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú	Số 36 Đường 31 A, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	-	-	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland	Số 232/1, đường Trương Định, KP2, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản	-	-	30,00	30,00

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	278.006.400.000	-	278.006.400.000	-
Công ty Cổ phần Logistics LSH	244.800.000.000	-	244.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	163.786.400.000	-	163.786.400.000	-
Công ty TNHH BT Hà Đồng	58.394.357.097	-	58.394.357.097	-
Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm	33.777.503.175	(4.967.202.009)	33.777.503.175	(4.967.202.009)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú (i)	-	-	187.500.000.000	(2.281.431.424)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland (ii)	-	-	90.000.000.000	(528.367.960)
TỔNG CỘNG	778.764.660.272	(4.967.202.009)	1.056.264.660.272	(7.777.001.393)

(i) Trong tháng 1 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú với giá chuyển nhượng 225 tỷ. Lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 39,8 tỷ VND;

(ii) Trong tháng 1 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland với giá chuyển nhượng 108 tỷ. Lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 18,5 tỷ VND;

(iii) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa có đủ các thông tin cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng CGM	30.566.892.496	60.818.760.158
Các nhà cung cấp khác	39.397.948.923	29.003.383.437
TỔNG CỘNG	69.964.841.419	89.822.143.595
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	3.835.477.195	2.676.012.927
<i>Phải trả các bên khác</i>	66.129.364.224	87.146.130.668

17.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dự án The Terra Bắc Giang	-	47.377.053.839
Khác	396.028.132	244.208.568
TỔNG CỘNG	396.028.132	47.621.262.407

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND Số cuối kỳ
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	28.353.796.283	15.405.978.508	(37.181.168.835)	6.578.605.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.998.157.051	19.727.851.451	(28.438.001.354)	18.288.007.148
Thuế thu nhập cá nhân	1.512.543.539	6.247.763.213	(5.995.564.384)	1.764.742.368
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	217.611.589.075	(217.611.589.075)	-
Các loại thuế khác	-	333.779.562	(333.779.562)	-
TỔNG CỘNG	56.864.496.873	259.326.961.809	(289.560.103.210)	26.631.355.472

	Số đầu kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số đã bù trừ trong kỳ	Đơn vị tính: VND Số cuối kỳ
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	84.344.422	10.774.121.522	(10.218.327.101)	640.138.843
TỔNG CỘNG	84.344.422	10.774.121.522	(10.218.327.101)	640.138.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	150.816.619.285	144.246.337.676
Trích trước chi phí phát triển các dự án bất động sản	120.816.297.072	142.634.148.866
Trích trước chi phí cho hoạt động của khách sạn Oakwood Residence Hanoi	12.502.152.240	13.592.411.631
Chi phí phải trả khác	8.299.590.085	9.053.452.091
TỔNG CỘNG	292.434.658.682	309.526.350.264
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.512.972.565	1.565.605.442
Chi phí phải trả ngắn hạn cho bên khác	287.921.686.117	307.960.744.822
Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	245.277.579	2.709.419.858
TỔNG CỘNG	245.277.579	2.709.419.858

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Kinh phí bảo trì khối sản thương mại dịch vụ và căn hộ cao tầng các Dự án	80.827.757.208	79.952.870.793
Nhận ký quỹ, ký cược	28.826.366.686	9.070.697.099
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.204.515.656	12.465.273.632
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	8.068.848.676	7.978.300.021
TỔNG CỘNG	129.927.488.226	109.467.141.545
Dài hạn		
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư (i)	170.775.959.961	170.775.959.961
Nhận ký quỹ, ký cược	5.230.903.983	5.262.928.921
TỔNG CỘNG	176.006.863.944	176.038.888.882

- (i) Số dư vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 chủ yếu bao gồm các khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư cho Dự án Đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1, quận Thủ Đức theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao với tổng số tiền là 159,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 06 năm 2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng						
(Thuyết minh số 21.1)						
Vay đối tượng khác	175.157.938.359	175.157.938.359	52.743.765.312	(137.524.974.682)	90.376.728.989	90.376.728.989
(Thuyết minh số 21.3)	110.157.499.988	110.157.499.988	26.797.499.999	-	136.954.999.987	136.954.999.987
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 21.2)	226.734.728.192	226.734.728.192	24.537.000.000	(184.669.394.857)	66.602.333.335	66.602.333.335
Vay đối tượng khác dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 21.3)	33.150.000.000	33.150.000.000	24.915.000.000	-	58.065.000.000	58.065.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 21.4)	240.332.952.558	240.332.952.558	148.201.752.493	(240.800.000.000)	147.734.705.051	147.734.705.051
Vay bên liên quan						
(Thuyết minh số 30)	7.040.000.000	7.040.000.000	204.500.000.000	(150.000.000.000)	61.540.000.000	61.540.000.000
	792.573.119.097	792.573.119.097	481.695.017.804	(712.994.369.539)	561.273.767.362	561.273.767.362
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng						
(Thuyết minh số 21.2)	308.787.334.875	308.787.334.875	-	(63.537.000.000)	245.250.334.875	245.250.334.875
Vay đối tượng khác						
(Thuyết minh số 21.3)	27.915.000.000	27.915.000.000	-	(24.915.000.000)	3.000.000.000	3.000.000.000
Trái phiếu phát hành						
(Thuyết minh số 21.4)	1.035.716.610.655	1.035.716.610.655	148.878.409.787	(147.734.705.051)	1.036.860.315.391	1.036.860.315.391
	1.372.418.945.530	1.372.418.945.530	148.878.409.787	(236.186.705.051)	1.285.110.650.266	1.285.110.650.266
TỔNG CỘNG	2.164.992.064.627	2.164.992.064.627	630.573.427.591	(949.181.074.590)	1.846.384.417.628	1.846.384.417.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Vay ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 06 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	90.376.728.989	Thời hạn trả nợ theo từng kế ước với kế ước cuối cùng đáo hạn tháng 06 năm 2026. Lãi được thanh toán hàng tháng.	8,3% - 8,7%	(i)

TỔNG CỘNG

90.376.728.989

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Một số tài sản gắn liền với đất tại Khu dịch vụ thương mại tầng 5-CT9, Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên liên quan của Công ty;
- Tài sản gắn liền với đất tại Sân thương mại tầng 1, tòa nhà Home City, tổ 51, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên thứ ba;
- Quyền sở hữu 3.250.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty thuộc sở hữu của bên liên quan của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 06 năm 2025 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	245.250.334.875	Gốc được thanh toán 6 tháng 1 lần kể từ tháng 4 năm 2022 đến tháng 10 năm 2036. Lãi thanh toán 3 tháng/lần.	10,31% (ii)	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	49.070.000.000	Gốc được thanh toán 6 tháng 1 lần từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 4 năm 2026. Lãi được thanh toán hàng tháng.	12,3% (iii)	
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	49.070.000.000			
Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Hà Nội	17.532.333.335	Gốc được thanh toán 3 tháng 1 lần từ tháng 5 năm 2024 đến tháng 8 năm 2025. Lãi được thanh toán 3 tháng/lần.	11,45% (iv)	
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	17.532.333.335			

TỔNG CỘNG

311.852.668.210

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 66.602.333.335
- Vay dài hạn 245.250.334.875

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn dài hạn (tiếp theo)

(ii) Tài sản đảm bảo gồm:

- Tài sản gắn liền với đất là bất động sản tại phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên liên quan của Công ty;
- Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là Khu dịch vụ thương mại tầng 1-01, tầng 1-02, tầng 1-03, tầng 1-04, tầng 5-01, tại tòa CT9 thuộc Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên liên quan của Công ty;
- Quyền tài sản của Công ty phát sinh từ hợp đồng cho thuê tòa 1 và khoán thu tòa 2 dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây;
- Quyền sở hữu 3.100.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được nắm giữ bởi bên thứ ba;
- Toàn bộ động sản hình thành từ Dự án Khu du lịch căn hộ khách sạn Hồ Tây.

(iii) Tài sản đảm bảo bao gồm quyền tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phát sinh từ Hợp đồng mua bán, cho thuê dài hạn tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp và khu thương mại dịch vụ Song Khê – Nội Hoàng, tỉnh Bắc Giang.

(iv) Tài sản đảm bảo là một số lô đất thuộc quyền sở hữu của Công ty tại xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Các khoản vay đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay từ đối tượng khác được trình bày như sau:

		Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngắn hạn Các cá nhân		108.054.999.987	Kỳ hạn trả gốc và lãi là 12 tháng theo từng hợp đồng. Hợp đồng cuối cùng đáo hạn tháng 4 năm 2026.	12%	Tin chấp.
	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bắc Ái	28.900.000.000	Gốc và lãi vay đáo hạn vào tháng 12 năm 2025.	9,3%	Tin chấp.
TỔNG CỘNG		136.954.999.987			
Dài hạn Các cá nhân		61.065.000.000	Kỳ hạn trả gốc và lãi là 24 tháng theo từng hợp đồng. Hợp đồng cuối cùng đáo hạn tháng 10 năm 2026.	10,5%	Tin chấp.

TỔNG CỘNG

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả
- Vay dài hạn

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành

		Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc và lãi (VND)	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
<i>Bên tư vấn phát hành</i>					
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		645.535.877.035	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 1 năm 2027. Lãi được thanh toán 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	Lãi suất áp dụng 2 kỳ đầu tiên: 11%/năm, Lãi suất áp dụng cho các kỳ còn lại: lãi suất tham chiếu + 4%/năm	(v)
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội		245.806.465.753	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 12 năm 2027. Lãi được thanh toán 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	Lãi suất áp dụng 4 kỳ đầu tiên: 11%/năm, Lãi suất áp dụng cho các kỳ còn lại: lãi suất tham chiếu + 4,5%/năm	(vi)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		147.734.705.051	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 6 năm 2026. Lãi được thanh toán 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	Lãi suất áp dụng 2 kỳ đầu tiên: 11%/năm, Lãi suất áp dụng cho các kỳ còn lại: lãi suất tham chiếu + 4%/năm	(vii)
Công ty Cổ phần chứng khoán Vpbank		145.517.972.603	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 5 năm 2028. Lãi được thanh toán 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	Lãi suất áp dụng 2 kỳ đầu tiên: 10,5%/năm, Lãi suất áp dụng cho các kỳ còn lại: lãi suất tham chiếu + 4,5%/năm	(viii)
TỔNG CỘNG		1.184.595.020.442			

Trong đó:

- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả 147.734.705.051
- Trái phiếu dài hạn 1.036.860.315.391

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

- (v) Đảm bảo bởi phần diện tích sở hữu riêng tầng 1 (sân thượng mặt – dịch vụ), tầng 2 (sân nhà trẻ, thương mại dịch vụ), tầng 3 và tầng 4 (sân văn phòng cho thuê), tầng 21 (sân thượng mặt dịch vụ, thể thao), tầng 22 (bể bơi, khu phụ trợ, tum thang và tầng kỹ thuật) của Dự án Khu hỗn hợp và nhà ở tại số 138B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội thuộc sở hữu của bên thứ ba và 19.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được nắm giữ bởi bên liên quan của Công ty.
- (vi) Đảm bảo bởi 14.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được nắm giữ bởi bên liên quan của Công ty.
- (vii) Đảm bảo bởi 9.600.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được nắm giữ bởi bên liên quan của Công ty.
- (viii) Đảm bảo bởi 6.250.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty được nắm giữ bởi bên liên quan của Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024							
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.419.996.170.000	-	72.397.227.865	15.177.859.740	7.588.929.869	1.271.465.152.407	3.786.625.339.881
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	208.428.395.666	208.428.395.666
Ngày 30 tháng 06 năm 2024	2.419.996.170.000	-	72.397.227.865	15.177.859.740	7.588.929.869	1.479.893.548.073	3.995.053.735.547
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.200.495.770.000	574.656.557.853	-	15.177.859.740	7.588.929.869	1.148.123.833.677	4.946.042.951.139
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	77.047.812.592	77.047.812.592
- Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Ngày 30 tháng 06 năm 2025	3.200.495.770.000	574.656.557.853	-	15.177.859.740	7.588.929.869	1.214.371.646.269	5.012.290.763.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp từ cổ đông	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000
TỔNG CỘNG	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000	3.200.495.770.000

Việc sử dụng vốn góp của cổ đông làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại *Thuyết minh số 21*.

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.200.495.770.000	2.419.996.170.000
Số cuối kỳ	3.200.495.770.000	2.419.996.170.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu kỳ (Cổ phiếu)
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	320.049.577	320.049.577
Cổ phiếu phổ thông	320.049.577	320.049.577
Cổ phiếu đang lưu hành	320.049.577	320.049.577
Cổ phiếu phổ thông	320.049.577	320.049.577

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu
(Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Tổng doanh thu	165.560.260.811	153.679.214.545
Trong đó:		
Kinh doanh bất động sản	103.496.892.916	82.695.814.289
Cung cấp dịch vụ lưu trú	44.784.943.671	44.205.508.949
Cung cấp dịch vụ khác	17.278.424.224	26.777.891.307
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	165.560.260.811	153.679.214.545
Trong đó:		
Kinh doanh bất động sản	103.496.892.916	82.695.814.289
Cung cấp dịch vụ lưu trú	44.784.943.671	44.205.508.949
Cung cấp dịch vụ khác	17.278.424.224	26.777.891.307
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	160.247.524.375	149.936.863.473
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.312.736.436	3.742.351.072

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Lãi tiền gửi, cho vay	24.240.065.412	16.625.688.514
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	700.000.000
TỔNG CỘNG	24.240.065.412	17.325.688.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	83.056.847.340	77.424.457.656
Giá vốn của dịch vụ lưu trú	22.884.558.617	24.552.248.087
Giá vốn của dịch vụ khác	13.827.546.465	22.972.961.374
TỔNG CỘNG	119.768.952.422	124.949.667.117

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí lãi vay	31.972.344.337	57.010.731.996
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.499.040.381	1.367.709.679
Chi phí tài chính khác	(58.333.078.882)	60.500.000
TỔNG CỘNG	(24.861.694.164)	58.438.941.675

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí bán hàng		
Chi phí lương nhân viên bán hàng	706.921.893	446.645.305
Chi phí hoa hồng môi giới	38.569.386	40.676.587
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	46.383.532	21.439.646
Chi phí khác	158.597.508	88.888.566
TỔNG CỘNG	950.472.319	597.650.104
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	16.908.419.323	6.007.285.263
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.688.365.033	1.879.690.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	773.893.847	181.465.957
Chi phí quản lý khách sạn	7.247.092.042	6.364.262.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.730.865.852	5.509.957.077
Chi phí bằng tiền khác	2.587.172.067	1.406.996.939
TỔNG CỘNG	46.935.808.164	21.349.658.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Thu nhập khác		
Thu phạt vi phạm hợp đồng	6.316.963	9.515.177
Thu nhập khác	10.150.000	21.964.222
TỔNG CỘNG	16.466.963	31.479.399
Chi phí khác		
Chi phí tài trợ, ủng hộ	1.000.000.000	-
Chi phí khác	2.314.801.429	273.667.876
TỔNG CỘNG	3.314.801.429	273.667.876

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.322.117.008	11.722.369.489
(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	139.840.090	(16.620.635.277)
TỔNG CỘNG	9.461.957.098	(4.898.265.788)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.708.453.016	(34.573.203.090)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	8.741.690.603	(6.914.640.618)
Các khoản điều chỉnh		
Điều chỉnh ước tính thuế	-	5.656.788.452
Lợi nhuận được chia bởi công ty con không chịu thuế TNDN	-	(140.000.000)
Các khoản điều chỉnh khác	720.266.495	(3.500.413.622)
Chi phí thuế TNDN năm	9.461.957.098	(4.898.265.788)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với biến động như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Đơn vị tính: VND Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thuế TNDN tạm nộp	-	499.356.600	(218.392.300)	11.887.964
Chi phí tư vấn	3.456.732.423	4.754.712.935	(648.990.255)	(648.990.257)
Chi phí lãi vay được vốn hoá theo biên bản thanh tra thuế	14.422.892.501	14.422.892.501	-	14.422.892.501
	17.879.624.924	19.676.962.036		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	(4.719.977.427)	(6.175.062.259)	727.542.465	1.085.348.520
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	1.749.496.549
	(4.719.977.427)	(6.175.062.259)		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	13.159.647.497	13.501.899.777		
Thu nhập/(Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			(139.840.090)	16.620.635.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát trong kỳ và tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Giảng Võ	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	Công ty con
Công ty Cổ phần Văn Phú - Bắc Ái	Công ty con
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con
Công ty TNHH Văn Phú Resort – Lộc Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và quản lý khách sạn Văn Phú	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sơn Thắng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech	Công ty con từ ngày 28 tháng 3 năm 2025
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	Công ty con từ ngày 16 tháng 6 năm 2025

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục Thông tin chung.

Các công ty là bên liên doanh, liên kết của Công ty đã được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Góp vốn	-	150.000.000.000
		Cho vay	-	28.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	Công ty con	Thu hồi gốc vay	3.900.000.000	1.650.000.000
		Lãi cho vay	2.032.904.110	2.329.978.083
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	756.781.950	2.175.990.960
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con	Mua dịch vụ	3.842.198.620	894.610.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con	Cho vay	38.850.000.000	19.575.000.000
		Lãi cho vay	4.300.445.753	583.877.261
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.628.361.623	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech	Công ty con	Đi vay	54.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	Công ty con	Góp vốn hợp tác đầu tư	-	1.650.000.000
Tô Như Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/Phó TGĐ thường trực	Trả nợ gốc đi vay	150.000.000.000	-
		Lãi đi vay	1.643.835.617	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ, sử dụng dịch vụ và cho vay với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản đi vay và cho vay, số dư các khoản phải thu và phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty đánh giá và xác định không có bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	7.609.725.413	5.982.742.833
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	7.384.187.487	318.619.892
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.881.492.568	1.592.212.743
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.204.338.002	878.218.802
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	441.546.330	3.877.555.921
Công ty CP Đầu tư và QL khách sạn Văn Phú	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	238.782.879	1.404.133.163
TỔNG CỘNG			18.760.072.679	14.053.483.354
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con	Phải thu về cho vay (*)	170.325.000.000	93.175.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	Công ty con	Phải thu về cho vay (*)	64.800.000.000	69.800.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Phải thu về cho vay (*)	28.250.000.000	28.250.000.000
TỔNG CỘNG			263.375.000.000	191.225.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Grand Home	Công ty con	Lãi cho vay	22.092.422.609	17.951.619.868
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	21.976.066.522	14.744.825.151
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Lãi cho vay, hợp tác đầu tư	13.380.695.209	2.049.849.317
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	Công ty con	Thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con	Thu khác	147.429.692	-
Công ty TNHH Văn Phú Resort – Lộc Bình	Công ty con	Lãi cho vay	361.780	361.780
TỔNG CỘNG			57.896.975.812	35.046.656.116

(*) Các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là các khoản cho vay tín chấp, hưởng lãi suất từ 9,5%/năm - 13,5%/năm và sẽ đáo hạn từ tháng 08 năm 2025 đến tháng 01 năm 2026 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 9,5%/năm - 13,5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Văn Phú - Bắc Ái	Công ty con	Vốn góp theo huy động để thực hiện đầu tư (i)	304.220.810.533	300.517.271.665
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết đến ngày 15 tháng 1 năm 2025	Đặt cọc góp vốn hợp tác đầu tư	-	352.617.690.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Đặt cọc góp vốn hợp tác đầu tư	-	100.000.000.000
TỔNG CỘNG			304.220.810.533	753.134.961.665
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17.1)				
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con	Phải trả chi phí cung cấp dịch vụ	2.330.792.695	953.150.740
Công ty CP Đầu tư và QL khách sạn Văn Phú	Công ty con	Phải trả chi phí cung cấp dịch vụ	1.148.284.500	256.913.800
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Phải trả chi phí cung cấp dịch vụ	356.400.000	1.465.948.387
TỔNG CỘNG			3.835.477.195	2.676.012.927
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Tô Như Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/Phó TGD thường trực	Lãi vay phải trả	1.860.129.777	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech	Công ty con	Lãi vay phải trả	807.493.151	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Tân Trí	Công ty con	Lãi vay phải trả	695.516.438	695.516.438
Công ty TNHH Văn Phú Resort - Lộc Bình	Công ty con	Lãi vay phải trả	618.711.643	618.711.643
Đỗ Thị Thanh Phương	Thành viên HĐQT/Phó Chủ tịch UBKT	Lãi vay phải trả	531.121.556	90.144.484
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú – Giảng Võ	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	161.232.877
TỔNG CỘNG			4.512.972.565	1.565.605.442
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TM Văn Phú	Công ty liên kết	Nhận góp vốn hợp tác đầu tư	7.062.300.021	7.762.300.021
Công ty Cổ phần Văn Phú B&C	Công ty con	Phải trả khác	790.548.655	-
Hội đồng Quản trị		Phải trả thù lao	216.000.000	216.000.000
TỔNG CỘNG			8.068.848.676	7.978.300.021

- (i) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo một thỏa thuận liên danh với các đối tác để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng New Tech	Công ty con	Vay ngắn hạn (*)	54.500.000.000		-
Đỗ Thị Thanh Phương	Thành viên HĐQT/Phó Chủ tịch UBKT	Vay ngắn hạn (*)	7.040.000.000	7.040.000.000	
TỔNG CỘNG			61.540.000.000	7.040.000.000	

(*) Các khoản cho vay tín chấp, hưởng lãi suất từ 10,5%/năm - 12%/năm, gốc và lãi đáo hạn từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 04 năm 2026 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12%/năm).

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
Ông Tô Như Toàn	Chủ tịch HĐQT	603.000.000	612.222.000
Ông Tô Như Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc thường trực từ ngày 23 tháng 04 năm 2025	483.000.000	495.000.000
Bà Nguyễn Diệu Tú	Phó chủ tịch HĐQT	435.000.000	370.000.000
Ông Triệu Hữu Đại	Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 23 tháng 04 năm 2025/Tổng giám đốc đến ngày 06 tháng 06 năm 2025	440.478.780	437.478.780
Bà Đỗ Thị Thanh Phương	Thành viên HĐQT/Phó Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	363.000.000	350.346.238
Ông Trịnh Thanh Hải	Thành viên độc lập HĐQT/Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	100.000.000	100.000.000
Ông Phạm Hồng Châu	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc từ ngày 06 tháng 06 năm 2025	77.565.000	77.565.000
Ông Vũ Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	408.000.000	405.000.000
Ông Lâm Hoàng Đăng	Phó Tổng Giám đốc	414.000.000	405.000.000
Ông Phạm Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 14 tháng 01 năm 2025	393.000.000	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 14 tháng 01 năm 2025	421.000.000	-
Bà Phan Lê Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 13 tháng 05 năm 2025	212.727.273	-
TỔNG CỘNG		4.350.771.053	3.252.612.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến chi phí đầu tư và phát triển các dự án bất động sản

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 291,6 tỷ VND.

Các cam kết về xây dựng khác

Theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1, quận Thủ Đức giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và liên danh Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư HNS Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bắc Ái, tổng giá trị đầu tư ước tính còn phải thực hiện tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 56,97 tỷ VND.

Cam kết thuê đất và thuê hoạt động

Công ty có cam kết thuê đất và 2 tòa Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây theo hợp đồng thuê có thời hạn từ tháng 2 năm 2016 đến tháng 9 năm 2064 và cam kết thuê tòa nhà văn phòng có thời hạn từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025. Chi tiết khoản phải trả theo cam kết thuê đất và thuê hoạt động này như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	8.334.949.600	10.984.250.020
Từ 1 - 5 năm	37.800.544.640	31.612.186.640
Trên 5 năm	513.390.689.467	496.266.138.507
TỔNG CỘNG	559.526.183.707	538.862.575.167

Cam kết về đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay

Theo Hợp đồng cho vay vốn ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm, Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long và Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái (công ty con), Công ty cam kết dùng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty con này với các ngân hàng theo hợp đồng cho vay hợp vốn này.

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên cho thuê

Công ty, là bên cho thuê, đã ký kết một số hợp đồng cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	2.134.533.120	2.241.006.600
Từ 1 - 5 năm	6.729.456.080	7.159.252.640
Trên 5 năm	2.062.260.000	2.699.730.000
TỔNG CỘNG	10.926.249.200	12.099.989.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết đầu tư góp vốn

Công ty có cam kết góp vốn tại một số công ty như được trình bày tại *Thuyết minh số 1*. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng giá trị khoản cam kết góp vốn còn lại của Công ty trong các công ty này là 17,63 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,63 tỷ VND).

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thế Quân
Người lập



Trần Mỹ Yên
Kế toán trưởng



Lâm Hoàng Đăng
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2025